

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **462** /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày **11** tháng **02** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh sách và số lượng xã thuộc nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3 để áp dụng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Quy định xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1663/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Tháp năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1692/TTr-SNN&MT ngày 04 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành danh sách và số lượng xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thuộc Nhóm 1, Nhóm 2, Nhóm 3 theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg, cụ thể:

1. Xã Nhóm 1 là xã liền kề đô thị hiện hữu và có định hướng phát triển thành đô thị; hoặc xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%; hoặc xã được định hướng là đô thị mới: 23 xã;

2. Xã Nhóm 2 là xã không thuộc Nhóm 1 và Nhóm 3: 59 xã;

3. Xã Nhóm 3 là xã khu vực II và xã khu vực III thuộc địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo phân định của cấp có thẩm quyền: không có.

(Danh sách chi tiết các xã thuộc từng nhóm tại Phụ lục kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách, số lượng xã thuộc từng nhóm (nếu có) theo quy định; chủ trì tham mưu ban hành quy định cụ thể tiêu chí áp dụng theo từng nhóm xã và tổ chức rà soát, đánh giá hiện trạng làm cơ sở xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2026 - 2030.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của Bộ, cơ quan trung ương, chủ động đề xuất chỉ tiêu theo thẩm quyền ban hành hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các tiêu chí theo từng nhóm xã, bảo đảm áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp nhóm xã; rà soát, xây dựng kế hoạch, lộ trình, giải pháp thực hiện; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) các khó khăn, vướng mắc, đề xuất điều chỉnh phân nhóm (nếu có).

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã

và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và MT;
- VPĐP NTM TW;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Trung tâm TH - Công báo;
- Lưu: VT, P.KT(NTB).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

Phụ lục
DANH SÁCH VÀ SỐ LƯỢNG XÃ THUỘC NHÓM 1, NHÓM 2, NHÓM 3
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

(kèm theo Quyết định số **462** /QĐ-UBND ngày **11** tháng **02** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Tên xã	Phân nhóm		
		Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
	Tổng cộng	23	59	0
1	Xã Thường Phước	Xã nhóm 1		
2	Xã Tháp Mười	Xã nhóm 1		
3	Xã Lấp Vò	Xã nhóm 1		
4	Xã Châu Thành	Xã nhóm 1		
5	Xã Chợ Gạo	Xã nhóm 1		
6	Xã Cái Bè	Xã nhóm 1		
7	Xã An Hữu	Xã nhóm 1		
8	Xã Gia Thuận	Xã nhóm 1		
9	Xã Mỹ Thọ	Xã nhóm 1		
10	Xã Tân Hồng	Xã nhóm 1		
11	Xã Phú Hựu	Xã nhóm 1		
12	Xã Tân Hòa	Xã nhóm 1		
13	Xã Bình Phú	Xã nhóm 1		
14	Xã Tân Dương	Xã nhóm 1		
15	Xã Mỹ Hiệp	Xã nhóm 1		
16	Xã Mỹ An Hưng	Xã nhóm 1		
17	Xã Tân Khánh Trung	Xã nhóm 1		
18	Xã Lương Hòa Lạc	Xã nhóm 1		
19	Xã Long Bình	Xã nhóm 1		

STT	Tên xã	Phân nhóm		
		Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
20	Xã Tân Điền	Xã nhóm 1		
21	Xã Tân Đông	Xã nhóm 1		
22	Xã Long Tiên	Xã nhóm 1		
23	Xã Mỹ Thành	Xã nhóm 1		
24	Xã Thanh Bình		Xã nhóm 2	
25	Xã Tràm Chim		Xã nhóm 2	
26	Xã Hòa Long		Xã nhóm 2	
27	Xã Tân Phước 1		Xã nhóm 2	
28	Xã Vĩnh Bình		Xã nhóm 2	
29	Xã Hưng Thạnh		Xã nhóm 2	
30	Xã Ba Sao		Xã nhóm 2	
31	Xã Long Phú Thuận		Xã nhóm 2	
32	Xã Phong Mỹ		Xã nhóm 2	
33	Xã Phú Cường		Xã nhóm 2	
34	Xã Tân Long		Xã nhóm 2	
35	Xã Tân Thạnh		Xã nhóm 2	
36	Xã Bình Thành		Xã nhóm 2	
37	Xã Bình Hàng Trung		Xã nhóm 2	
38	Xã Tân Hộ Cơ		Xã nhóm 2	
39	Xã Tân Thành		Xã nhóm 2	
40	Xã An Phước		Xã nhóm 2	
41	Xã Long Khánh		Xã nhóm 2	
42	Xã Tam Nông		Xã nhóm 2	
43	Xã Phú Thọ		Xã nhóm 2	

STT	Tên xã	Phân nhóm		
		Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
44	Xã An Hòa		Xã nhóm 2	
45	Xã An Long		Xã nhóm 2	
46	Xã Thanh Mỹ		Xã nhóm 2	
47	Xã Mỹ Quý		Xã nhóm 2	
48	Xã Đốc Bình Kiều		Xã nhóm 2	
49	Xã Trường Xuân		Xã nhóm 2	
50	Xã Phương Thịnh		Xã nhóm 2	
51	Xã Lai Vung		Xã nhóm 2	
52	Xã Phong Hòa		Xã nhóm 2	
53	Xã Tân Nhuận Đông		Xã nhóm 2	
54	Xã Tân Phú Trung		Xã nhóm 2	
55	Xã Tân Phước 2		Xã nhóm 2	
56	Xã Tân Phước 3		Xã nhóm 2	
57	Xã Tân Hương		Xã nhóm 2	
58	Xã Long Hưng		Xã nhóm 2	
59	Xã Long Định		Xã nhóm 2	
60	Xã Vĩnh Kim		Xã nhóm 2	
61	Xã Kim Sơn		Xã nhóm 2	
62	Xã Bình Trưng		Xã nhóm 2	
63	Xã Mỹ Tịnh An		Xã nhóm 2	
64	Xã Tân Thuận Bình		Xã nhóm 2	
65	Xã An Thạnh Thủy		Xã nhóm 2	
66	Xã Bình Ninh		Xã nhóm 2	
67	Xã Thanh Hưng		Xã nhóm 2	

STT	Tên xã	Phân nhóm		
		Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
68	Xã Mỹ Lợi		Xã nhóm 2	
69	Xã Mỹ Đức Tây		Xã nhóm 2	
70	Xã Mỹ Thiện		Xã nhóm 2	
71	Xã Hậu Mỹ		Xã nhóm 2	
72	Xã Hội Cư		Xã nhóm 2	
73	Xã Đồng Sơn		Xã nhóm 2	
74	Xã Phú Thành		Xã nhóm 2	
75	Xã Vĩnh Hựu		Xã nhóm 2	
76	Xã Gò Công Đông		Xã nhóm 2	
77	Xã Hiệp Đức		Xã nhóm 2	
78	Xã Ngũ Hiệp		Xã nhóm 2	
79	Xã Thạnh Phú		Xã nhóm 2	
80	Xã Tân Thới		Xã nhóm 2	
81	Xã Tân Phú Đông		Xã nhóm 2	
82	Xã Tân Phú		Xã nhóm 2	